QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU VIỆT NAM
(VFMVEI)

Số: 01.19/BBKP-VEI-2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2019

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2018 QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU VIỆT NAM (VFMVEI)

- *Căn cứ Luật chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010;*
- *Căn cứ Thông tư số 212/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 05/12/2012 hướng dẫn về việc thành lập, tổ chức & hoạt động của công ty Quản lý Quỹ;*
- *Căn cứ Thông tư số 183/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16/12/2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở;*
- *Căn cứ Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20/01/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/03/2016;*
- *Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động hiện hành của Quỹ đầu tư Cổ phiếu Việt Nam;*
- *Danh sách nhà đầu tư VFMVEI chốt ngày 18/02/2019 để xin ý kiến bằng văn bản;*
- *Quy chế biểu quyết bằng văn bản của Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2019.*
- *Các phiếu lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản mà Công ty quản lý quỹ nhận được.*

I. Thời gian địa điểm:

- Thời gian kiểm phiếu: Từ 09g00 ngày 16/04/2019 đến 17g30 ngày 19/04/2019.
- Địa điểm: Phòng 1701–04, Lầu 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 2 Ngô Đức Kế, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

II. Tên quỹ đầu tư: QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU VIỆT NAM (VFMVEI)

- Giấy phép thành lập số: 31/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 02/03/2018.
- Địa chỉ: Phòng 1701–04, Lầu 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 2 Ngô Đức Kế, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84-28) 3825 1488 Fax: (84-28) 3825 1489

III. Thành phần Ban kiểm phiếu:

1. Ban kiểm phiếu

- Ông Trần Đắc Sinh - Chủ tịch Ban đại diện quỹ- Trưởng ban
- Ông Trần Thanh Tân- Tổng Giám đốc Công ty quản lý quỹ- Thành viên Ban kiểm phiếu.

- Bà Nguyễn Thị Khánh Hòa - Ngân hàng Standard Chartered Bank Việt Nam- Thành viên Ban kiểm phiếu.

2. Giám sát kiểm phiếu:

- Bà Vũ Hương Giang - Ngân hàng Standard Chartered Bank Việt Nam.

3. Thư ký kiểm phiếu:

- Bà Trần Ngọc Hân - Công ty quản lý quỹ.

IV. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua Nghị quyết: thông qua các vấn đề cần được biểu quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2018 Quỹ Đầu Tư Cổ phiếu Việt Nam (VFMVEI).

V. Ban kiểm phiếu kiểm phiếu theo những nguyên tắc sau:

1. **Tổng số phiếu phát ra:** là tổng số phiếu lấy ý kiến nhà đầu tư được Công ty quản lý quỹ gửi đến Nhà đầu tư của quỹ theo danh sách chốt ngày 18/02/2019.
2. **Tổng số phiếu thu về:** là tổng số phiếu lấy ý kiến nhà đầu tư gửi về Công ty quản lý quỹ để thể hiện ý kiến của mình về nội dung và ý kiến.
3. **Thời gian lấy ý kiến nhà đầu tư:** từ ngày 26/03/2019 đến 17g30 ngày 12/04/2019.
4. **Phiếu biểu quyết hợp lệ:** Nhà đầu tư thể hiện ý kiến của mình trên phiếu biểu quyết thông qua lựa chọn một trong các lựa chọn "Đồng ý", "Không đồng ý" hoặc "Không có ý kiến". Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu biểu quyết:
   - Phiếu biểu quyết do Công ty quản lý quỹ gửi đến nhà đầu tư;
   - Phiếu không bị tẩy xóa, sữa chữa, thay đổi nội dung;
   - Phiếu biểu quyết được ký bởi chủ sở hữu đơn vị quỹ hoặc người ủy quyền đã đăng ký với Công ty quản lý quỹ hoặc người ủy quyền hợp lệ theo quy định của pháp luật.
   - Phiếu biểu quyết được gửi về Công ty quản lý quỹ trong thời hạn xác định tại Phiếu lấy ý kiến nhà đầu tư.
5. **Ý kiến biểu quyết hợp lệ**: ý kiến biểu quyết hợp lệ khi nhà đầu tư chỉ đánh dấu duy nhất một lựa chọn "Đồng ý", "Không đồng ý" hoặc "Không có ý kiến" đối với nội dung lấy ý kiến.
6. **Kết quả kiểm phiếu:** được tổng hợp trên phiếu biểu quyết hợp lệ của nhà đầu tư.
7. **Biểu quyết thông qua & Biểu quyết không thông qua:**

   Ý kiến biểu quyết "Đồng ý" thì được xem là biểu quyết thông qua. Ý kiến biểu quyết "Không đồng ý" hoặc "Không có ý kiến" thì được xem là biểu quyết không thông qua
8. **Không tham gia biểu quyết:**

   Phiếu lấy ý kiến nhà đầu tư đã được gửi đến nhà đầu tư nhưng bị hoàn trả về do địa chỉ nhà đầu tư đăng ký không chính xác, hoặc các phiếu lấy ý kiến nhà đầu tư được gửi về Công ty quản lý quỹ theo địa chỉ đã thông báo nhưng sau thời hạn ngày nhận cuối cùng; hoặc các phiếu nhà đầu tư không gửi về thì được xem là không tham gia biểu quyết các nội dung lấy ý kiến.

VI. Kết quả kiểm phiếu như sau:

1. **Tổng số phiếu biểu quyết gửi đến nhà đầu tư**: 54 nhà đầu tư theo danh sách chốt ngày 18/02/2019.
2. **Tổng số phiếu biểu quyết nhận được của nhà đầu tư:**

Đến 17g30 ngày 12/04/2019, Công ty quản lý quỹ đã nhận được 07 phiếu biểu quyết, đại diện cho 5,218,045.08 đơn vị quỹ, chiếm 78.89% số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách. Trong đó:

- 07 phiếu gửi về Công ty quản lý quỹ trong thời hạn xác định tại Phiếu lấy ý kiến nhà đầu tư. Trong đó,

+ Phiếu biểu quyết hợp lệ: 06 phiếu, trong đó có 05 Phiếu biểu quyết được gửi bằng thư, 00 Phiếu được gửi bằng Fax, 01 Phiếu biểu quyết được gửi bằng e-mail.

+ Phiếu biểu quyết không hợp lệ: 01 phiếu, trong đó có 00 Phiếu biểu quyết được gửi bằng thư, 00 Phiếu được gửi bằng Fax, 01 Phiếu biểu quyết được gửi bằng e-mail.

- 47 phiếu không tham gia biểu quyết, bao gồm: (i) bị hoàn trả về do địa chỉ nhà đầu tư đăng ký không chính xác; (ii) Nhà đầu tư không gửi phiếu tham gia biểu quyết.

VII. Kết quả biểu quyết:

1. Thông qua Kết quả hoạt động của Quỹ năm 2018:

Quỹ VEI chính thức được cấp giấy phép và bắt đầu giải ngân kể từ tháng 3/2018. Trong năm đầu tiên đi vào hoạt động (16/3/2018 tới 31/12/2018), tài sản ròng của quỹ suy giảm -22,8%, xấp xỉ mức giảm của thị trường chung (VN-Index) là -22.2%. Thời điểm quỹ đi vào hoạt động ngay sát đỉnh của thị trường với VN-Index ở mức 1159, và sau đó 3 tuần ngày 9/4 thị trường đạt đỉnh cao nhất kể từ khi thành lập ở mức 1204. Kể từ đó thị trường điều chỉnh mạnh và kết thúc năm 2018 rơi về mức 893. Biến động mạnh của thị trường chứng khoán 2018 đã gây khó khăn không chỉ cho quỹ VEI mà còn với thị trường các quỹ mở nói chung trong việc tìm kiếm lợi nhuận cho nhà đầu tư. Trong 3 tháng đầu đi vào hoạt động, quỹ VEI đạt mức tăng trưởng tốt hơn thị trường tới 3,7%. Tuy nhiên sau đó mức tăng trưởng này giảm dần . Một mặt là do các cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng dài hạn trong danh mục của quỹ bị ảnh hưởng tiêu cực từ biến động nhất thời của thị trường chung và mặt khác là do một số cổ phiếu vốn hóa lớn mà quỹ hạ thấp tỷ trọng đã tăng trưởng mạnh dẫu cho các yếu tố cơ bản của các cổ phiếu này là không rõ ràng. Trong năm, các ngành có tỷ trọng cao trong danh mục đầu tư của quỹ VEI bao gồm ngành Ngân hàng, Bất động sản, Hàng tiêu dùng , Bán lẻ và Vật liệu xây dựng.

	Số phiếu biểu quyết	Số đơn vị quỹ biểu quyết	Tỷ lệ (%) số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách
"Đồng ý"	06	5,013,045.08	75.79%
"Không đồng ý"	00	00	00
"Không có ý kiến"	00	00	00

Ý kiến biểu quyết không hợp lệ	01	205,000.00	3.10%
Tổng cộng	07	5,218,045.08	78.89%

2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán của Quỹ

	Số phiếu biểu quyết	Số đơn vị quỹ biểu quyết	Tỷ lệ (%) số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách
"Đồng ý"	06	5,013,045.08	75.79%
"Không đồng ý"	00	00	00
"Không có ý kiến"	00	00	00
Ý kiến biểu quyết không hợp lệ	01	205,000.00	3.10%
Tổng cộng	07	5,218,045.08	78.89%

3. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018

Quỹ VFMVEI đề xuất tái đầu tư lợi nhuận và không phân phối lợi nhuận và năm 2018.

	Số phiếu biểu quyết	Số đơn vị quỹ biểu quyết	Tỷ lệ (%) số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách
"Đồng ý"	06	5,013,045.08	75.79%
"Không đồng ý"	00	00	00
"Không có ý kiến"	00	00	00
Ý kiến biểu quyết không hợp lệ	01	205,000.00	3.10%
Tổng cộng	07	5,218,045.08	78.89%

4. Thông qua Kế hoạch hoạt động của Quỹ trong năm 2019

Chủ trương của quỹ VEI trong năm 2019 là tiếp tục tìm kiếm các cơ hội đầu tư vào các công ty có nền tảng cơ bản tốt, có tiềm năng tăng trưởng trong dài hạn và giá cổ phiếu có khả năng hồi phục mạnh mẽ sau khi bị điều chỉnh mạnh bởi thị trường. Đồng thời quỹ cũng sẽ chú ý tới các cơ hội đầu tư tiềm năng từ hoạt động IPO và thoái vốn Nhà nước.

Trong năm 2019, các ngành Hàng tiêu dùng, Bán lẻ sẽ tiếp tục được quỹ VEI duy trì đầu tư với tỷ trọng cao do sức mua của người tiêu dùng trong nước vẫn trong xu thế tăng liên tục. Trong khi đó các ngành có tính chu kỳ cao như Bất động sản, Vật liệu xây dựng có thể quỹ sẽ cân nhắc giảm tỷ trọng do những biến động về giá nguyên vật liệu và quá trình phê duyệt các vấn đề pháp lý của nhiều dự án bất động sản có thể kéo dài. Quỹ sẽ tiếp tục duy trì những khoản đầu tư chọn lọc vào ngành ngân hàng, đặc biệt chú trọng tới các ngân hàng có tài sản tốt, tiềm năng tăng trưởng bền vững trong dài hạn.

	Số phiếu biểu quyết	Số đơn vị quỹ biểu quyết	Tỷ lệ (%) số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách
"Đồng ý"	06	5,013,045.08	75.79%
"Không đồng ý"	00	00	00
"Không có ý kiến"	00	00	00
Ý kiến biểu quyết không hợp lệ	01	205,000.00	3.10%
Tổng cộng	07	5,218,045.08	78.89%

5. Thông qua việc Lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ năm 2019

Hiện tại Công ty VFM nhận được bản chào giá từ 03 công ty kiểm toán hàng đầu Việt Nam với mức phí cho năm 2019 như sau:

Quỹ	NAV @ 31/12/2018 (tỷ VNĐ)	Phí Kiểm toán 2018 (triệu đồng)	Đề xuất cho năm 2019 (triệu đồng)		
			PwC	KPMG	E&Y
VFB	51,2	90	91	100	90
% thay đổi			1%	11%	0%

Ghi chú:

(1) Phí trên chưa bao gồm VAT.

(2) Căn cứ trên bảng chào giá trên, VFM đề xuất Nhà đầu tư ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ lựa chọn một trong ba công ty kiểm toán nói trên để thực hiện kiểm toán cho Quỹ năm 2019.

Việc lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ năm 2019 dựa trên:

- Mức phí hợp lý.
- Tính liên tục của kiểm toán.
- Tính chuyên nghiệp cao.
- Đáp ứng được các yêu cầu của Quỹ.

Đề xuất: Ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ lựa chọn một trong ba công ty kiểm toán như đã đề xuất để thực hiện kiểm toán cho Quỹ năm 2019.

	Số phiếu biểu quyết	Số đơn vị quỹ biểu quyết	Tỷ lệ (%) số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách
"Đồng ý"	06	5,013,045.08	75.79%
"Không đồng ý"	00	00	00
"Không có ý kiến"	00	00	00
Ý kiến biểu quyết không hợp lệ	01	205,000.00	3.10%
Tổng cộng	07	5,218,045.08	78.89%

6. Thông qua Tổng ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2019

Đề xuất Ngân sách chi phí hoạt động Ban đại diện năm 2019:

STT	Loại chi phí	Ngân sách 2019	Thực tế 2018	%
I	***Thù lao***	***351,000,000***	**291,629,033**	***20%***
II	***Chi phí đi lại và khách sạn***	***39,900,000***	**31,106,000**	***28%***
1	Chi phí vé máy bay	24,000,000	29,106,000	***-18%***
2	Chi phí khách sạn	15,000,000	2,000,000	***650%***
3	Chi phí đưa rước	900,000		-
III	***Chi phí phòng họp khác***	***14,000,000***	**2,000,000**	***600%***
	Tổng cộng	**404,900,000**	**324,735,033**	***25%***

Ghi chú:

- Ngân sách hoạt động Ban đại diện năm 2019 tăng 25% so với thực tế năm 2018 và được lập trên cơ sở sau:

  + Số lần họp BĐD được tổ chức bên ngoài là 1 lần, còn lại được tổ chức qua điện thoại hoặc bằng văn bản.

  - Ngân sách chi phí thù lao của Ban Đại diện trên dự kiến trả đủ 13 tháng của năm 2019, dùng cho 4 thành viên và 1 thư ký, với mức thù lao thông qua từ Đại hội thành lập Quỹ VFMVEI như sau:

  * **Chủ tịch BĐD**: 10 triệu đồng / tháng
  * **Phó chủ tịch BĐD**: 7 triệu đồng / tháng
  * **Thành viên BĐD**: 4 triệu đồng / tháng
  * **Thư ký BĐD**: 2 triệu đồng / tháng

- Trong trường hợp số thành viên BĐD tăng/giảm thì ngân sách này sẽ được điều chỉnh tăng/giảm tương ứng dựa trên mức chi phí cấu thành ngân sách nêu trên.

	Số phiếu biểu quyết	Số đơn vị quỹ biểu quyết	Tỷ lệ (%) số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách
"Đồng ý"	06	5,013,045.08	75.79%
"Không đồng ý"	00	00	00
"Không có ý kiến"	00	00	00
Ý kiến biểu quyết không hợp lệ	01	205,000.00	3.10%
Tổng cộng	07	5,218,045.08	78.89%

7. Thông qua điều chỉnh, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ VFMVEI:

7.1. Điều chỉnh, bổ sung phần "Các định nghĩa": ***điều chỉnh cho phù hợp quy định pháp luật.***

~~***"Số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết";***~~	~~***Là số đơn vị quỹ tham gia biểu quyết tại kỳ biểu quyết.***~~
~~***"Giá dịch vụ"***~~	~~***Sau đây có thể gọi là Phí.***~~
"Giá dịch vụ quản lý quỹ" ~~***hay gọi là "Phí quản lý quỹ"***~~	Là giá dịch vụ phải trả cho Công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ này.
"Giá dịch vụ phát hành lần đầu" ~~***hay gọi là "Phí phát hành lần đầu"***~~	Là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi mua một đơn vị chứng chỉ quỹ từ Quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng. Giá dịch vụ này được cộng vào mệnh giá, được thu khi phát hành và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên mệnh giá một đơn vị chứng chỉ Quỹ VFMVEI.
"Giá dịch vụ phát hành các lần tiếp theo" ~~***hay gọi là "Phí phát hành tại các lần tiếp theo"***~~	Là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi mua một đơn vị chứng chỉ quỹ từ Quỹ tại những kỳ giao dịch tiếp theo. Giá dịch vụ này được thu khi phát hành và được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch (số tiền đăng ký mua) chứng chỉ Quỹ VFMVEI.
"Giá dịch vụ mua lại" ~~***hay gọi là "Phí mua lại"***~~	Là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi bán một đơn vị chứng chỉ quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ này được trừ đi từ giá trị giao dịch chứng chỉ Quỹ và được khấu trừ ngay khi quỹ thanh toán cho nhà đầu tư, được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch được quy định tại Điều lệ này.
"Ngày định giá"	Là ngày mà Công ty quản lý quỹ VFM xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ VFMVEI. Ngày định giá là ngày thứ Tư ***thứ hai và thứ tư*** ~~***của tháng của tuần thứ hai và tuần thứ tư hàng tháng***~~. Ngày định giá là ngày làm việc. Trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá sẽ là ngày làm việc tiếp theo.
"Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ"	Là ngày mà Công ty quản lý quỹ VFM thực hiện các lệnh/yêu cầu mua lại chứng chỉ quỹ, phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ theo yêu cầu của nhà đầu tư được gửi bằng văn bản, thông qua đại lý phân phối, trước thời điểm nhận lệnh cuối cùng. Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ được thực hiện hai

	lần trong một tháng, vào ***ngày thứ Tư thứ hai và thứ tư của tháng*** ~~***Thứ tư của tuần thứ hai và tuần thứ tư của tháng.***~~

	Số phiếu biểu quyết	Số đơn vị quỹ biểu quyết	Tỷ lệ (%) số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách
"Đồng ý"	06	5,013,045.08	75.79%
"Không đồng ý"	00	00	00
"Không có ý kiến"	00	00	00
Ý kiến biểu quyết không hợp lệ	01	205,000.00	3.10%
Tổng cộng	07	5,218,045.08	78.89%

7.2. Điều chỉnh khoản 2 và bổ sung khoản 4 - Điều 17. Giao dịch chứng chỉ Quỹ: Điều chỉnh để làm rõ nghĩa hơn

" Điều 17. Giao dịch chứng chỉ Quỹ

1. ...

2. Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ VFMVEI là hai lần trong một tháng, vào ***ngày thứ Tư thứ hai và thứ tư của tháng*** ~~***Thứ tư của tuần thứ hai và tuần thứ tư của tháng.***~~

   Việc tăng tần suất giao dịch (nếu có) sẽ được công ty quản lý quỹ thông báo trên trang thông tin điện tử của VFM và của quỹ và được cập nhật tại Đại hội nhà đầu tư gần nhất. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không thấp hơn tần suất giao dịch tối thiểu theo quy định pháp luật."

3 . ...

4. Việc đầu tư chứng chỉ quỹ theo Chương trình Đầu tư định kỳ (VF-ISAVING) được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch của Quỹ."

	Số phiếu biểu quyết	Số đơn vị quỹ biểu quyết	Tỷ lệ (%) số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách
"Đồng ý"	06	5,013,045.08	75.79%
"Không đồng ý"	00	00	00
"Không có ý kiến"	00	00	00
Ý kiến biểu quyết không hợp lệ	01	205,000.00	3.10%
Tổng cộng	07	5,218,045.08	78.89%

7.3. Bổ sung khoản 2 Điều 49. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ: Bổ sung " "giá dịch vụ" cho phù hợp quy định pháp luật.

" Điều 49. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ

1. ...
2. Nhân viên phân phối chỉ chào bán chứng chỉ quỹ sau khi nhà đầu tư đã được cung cấp đầy đủ điều lệ quỹ, bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, hợp đồng dẫn chiếu trong bản cáo bạch, các báo cáo mới nhất về hoạt động của quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho nhà đầu tư hiểu được các nội dung tại điều lệ quỹ và bản cáo bạch đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của quỹ, chiến lược đầu tư của quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, ***giá dịch vụ***, phí, lệ phí và các chi phí khác; cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ."

	Số phiếu biểu quyết	Số đơn vị quỹ biểu quyết	Tỷ lệ (%) số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách
"Đồng ý"	06	5,013,045.08	75.79%
"Không đồng ý"	00	00	00
"Không có ý kiến"	00	00	00
Ý kiến biểu quyết không hợp lệ	01	205,000.00	3.10%
Tổng cộng	07	5,218,045.08	78.89%

7.4. Điều chỉnh khoản 3 Điều 55. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ: Điều chỉnh để làm rõ nghĩa hơn

" Điều 55. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

...

3. Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định vào ngày định giá là ngày ***ngày thứ Tư thứ hai và thứ tư của tháng*** ~~***của tuần thứ hai và tuần thứ tư hàng tháng và cuối tháng***~~, có xác nhận của ngân hàng lưu ký, giám sát. Trong thời hạn tối đa ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày định giá, giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, đại lý phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán."

	Số phiếu biểu quyết	Số đơn vị quỹ biểu quyết	Tỷ lệ (%) số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách
"Đồng ý"	06	5,013,045.08	75.79%
"Không đồng ý"	00	00	00
"Không có ý kiến"	00	00	00

Ý kiến biểu quyết không hợp lệ	01	205,000.00	3.10%
Tổng cộng	07	5,218,045.08	78.89%

7.5. Điều chỉnh khoản 1 và khoản 2 Điều 56. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ: Điều chỉnh để làm rõ nghĩa hơn tại khoản 1 và Điều chỉnh "phí" thành "giá dịch vụ" cho phù hợp quy định pháp luật tại khoản 2.

" Điều 56. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

1. Ngày định giá:

   Tần suất giao dịch của Quỹ ***vào ngày thứ Tư thứ hai và thứ tư của tháng*** ~~***là ngày thứ Tư của tuần thứ hai và tuần thứ tư hàng tháng***~~. Giá trị tài sản ròng của quỹ được xác định vào ngày định giá là ngày thứ Tư ***thứ hai và thứ tư của tháng*** ~~***của tuần thứ hai và tuần thứ tư hàng tháng***~~. Ngày định giá và ngày giao dịch là ngày làm việc. Trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ, thì ngày định giá sẽ là ngày làm việc tiếp theo.

   Giá trị tài sản ròng tháng của quỹ được xác định vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo, và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ. Trường hợp công ty quản lý quỹ tăng tần suất giao dịch (nếu có) thì các kỳ xác định giá trị tài sản ròng của quỹ sẽ được tăng tương ứng.

2. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

   Giá trị tài sản ròng (NAV): là tổng giá trị các tài sản do Quỹ VFMVEI sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ có liên quan (như phải trả mua chứng khoán, phải trả ***phí giá dịch vụ*** quản lý, ***phí giá dịch vụ*** giám sát, ***phí giá dịch vụ*** môi giới, ***phí giá dịch vụ*** lưu ký, phí hành chính, ***phí giá dịch vụ*** định giá,...) tại ngày trước ngày định giá. Tổng giá trị tài sản của quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường hoặc giá thị trường có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay Định giá và đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản)".

	Số phiếu biểu quyết	Số đơn vị quỹ biểu quyết	Tỷ lệ (%) số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách
"Đồng ý"	06	5,013,045.08	75.79%
"Không đồng ý"	00	00	00
"Không có ý kiến"	00	00	00
Ý kiến biểu quyết không hợp lệ	01	205,000.00	3.10%
Tổng cộng	07	5,218,045.08	78.89%

7.6. Điều chỉnh Khoản 3- Điều 62. Các loại giá dịch vụ do nhà đầu tư trả: Điều chỉnh phù hợp quy định của pháp luật.

" Điều 62. Các loại giá dịch vụ do nhà đầu tư trả

...

3. Giá dịch vụ chuyển đổi giữa các chứng chỉ quỹ mở do công ty quản lý quỹ quản lý

- Nhà đầu tư phải trả giá dịch vụ chuyển đổi chứng chỉ quỹ cho công ty quản lý quỹ khi nhà đầu tư đăng ký giao dịch chuyển đổi chứng chỉ quỹ giữa các chứng chỉ quỹ mở do công ty quản lý quỹ quản lý tại mỗi kỳ giao dịch.
- Nhà đầu tư không phải trả giá dịch vụ phát hành và giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ khi thực hiện chuyển đổi các loại chứng chỉ quỹ.
- ~~***Giá dịch vụ chuyển đổi từ VFMVEI sang các quỹ khác (bao gồm VFMVF1, VFMVF4, VFMVFB) bằng không.***~~
- ***Giá dịch vụ chuyển đổi không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch. Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác.***

  Việc thay đổi các mức giá dịch vụ *sẽ* được công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác và đảm bảo giá dịch vụ chuyển đổi không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch.
- Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là 90 ngày kể từ ngày Công ty quản lý Quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của công ty."

	Số phiếu biểu quyết	Số đơn vị quỹ biểu quyết	Tỷ lệ (%) số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách
"Đồng ý"	06	5,013,045.08	75.79%
"Không đồng ý"	00	00	00
"Không có ý kiến"	00	00	00
Ý kiến biểu quyết không hợp lệ	01	205,000.00	3.10%
Tổng cộng	07	5,218,045.08	78.89%

7.7. Điều chỉnh khoản 1,2,3 và khoản 4 Điều 63. Các loại giá dịch vụ, phí do Quỹ trả: Điều chỉnh "phí" thành "giá dịch vụ" cho phù hợp quy định pháp luật.

" Điều 63. Các loại giá dịch vụ, phí do Quỹ trả

1. Giá dịch vụ quản lý quỹ

- Giá dịch vụ quản lý là 1,2% NAV/năm. Giá dịch vụ này được trả cho công ty quản lý quỹ VFM để thực hiện các dịch vụ quản lý cho Quỹ VFMVEI. Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý sẽ được Công ty quản lý quỹ xác định trong từng giai đoạn nhưng phải đảm bảo tổng giá

dịch vụ quản lý quỹ và các giá dịch vụ khác mà Quỹ chi trả cho công ty quản lý quỹ (nếu có) tuân thủ các quy định của pháp luật.

- Số ***phí giá dịch vụ*** trả hàng tháng là tổng số ***phí giá dịch vụ*** được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- Công thức tính ***phí giá dịch vụ*** quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

  Phí Giá dịch vụ quản lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)
- Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì ***phí giá dịch vụ*** quản lý được xác định như sau:

  Phí Giá dịch vụ quản lý trong tháng = [Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lẻ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + ***Phí Giá dịch vụ*** quản lý của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lẻ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

2. **Giá dịch vụ lưu ký và giám sát**

- Giá dịch vụ giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng Giám sát và lưu ký để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số ***phí giá dịch vụ*** được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

  Giá dịch vụ giám sát là 0,02% NAV/năm. Tối thiểu là 17 triệu đồng mỗi tháng (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có))

  Giá dịch vụ lưu ký là 0,04% NAV/năm. Tối thiểu là 23 triệu đồng mỗi tháng. Mức giá dịch vụ này chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán là 160.000 đồng/giao dịch,

  Mức giá dịch vụ trên không bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, phí sửa đổi/hủy bỏ giao dịch, phí đăng ký cổ phiếu từ chưa niêm yết sang niêm yết hay từ trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu, v.v....

  Tổng giá dịch vụ giám sát, lưu ký tối đa đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật.

  Số ***phí giá dịch vụ*** trả hàng tháng là tổng số ***phí giá dịch vụ*** được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- Công thức tính ***phí giá dịch vụ*** giám sát, lưu ký vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

  Phí Giá dịch vụ giám sát, lưu ký (chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)
- Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì ***phí giá dịch vụ*** giám sát, lưu ký được xác định như sau:

~~***Phí Giá dịch vụ***~~ giám sát, lưu ký (chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán) trong tháng = [Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lẻ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + ~~***Phí Giá dịch vụ***~~ giám sát, lưu ký của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lẻ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

Giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được qui định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ

3. ~~Chi phí~~ Giá dịch vụ quản trị quỹ

~~***Phí Giá***~~ dịch vụ quản trị quỹ là mức ~~***phí giá dịch vụ***~~ do Quỹ VFMVEI trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ.

~~***Phí Giá***~~ dịch vụ quản trị quỹ là 0,06% NAV/năm và được chi trả hàng tháng. Tối thiểu là 20 triệu đồng mỗi tháng (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).

- Số ~~***phí giá dịch vụ***~~ trả hàng tháng là tổng số ~~***phí giá dịch vụ***~~ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- Công thức tính ~~***phí giá***~~ dịch vụ quản trị quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
- ~~***Phí Giá***~~ dịch vụ quản trị quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ % ~~***phí giá***~~ dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)
- Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì ~~***phí giá***~~ dịch vụ ~~***quản***~~ trị quỹ được xác định như sau:
- ~~***Phí Giá***~~ dịch vụ quản trị quỹ trong tháng = [Tỷ lệ % ~~***phí giá***~~ dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lẻ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + ~~***Phí Giá***~~ dịch vụ quản trị quỹ của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % ~~***Phí Giá***~~ dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lẻ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

  Mức ~~***phí giá dịch vụ***~~ và phương pháp thanh toán ~~***phí giá dịch vụ***~~ được qui định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ.

4. ~~Chi phí~~ Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

- ~~***Phí Giá***~~ dịch vụ đại lý chuyển nhượng là mức ~~***phí giá dịch vụ***~~ do Quỹ VFMVEI chi trả hàng tháng cho Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. ~~***Phí Giá***~~ dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm những dịch vụ được nêu tại khoản 2 Điều 42 của Điều lệ này.

  Gồm:

- ~~***Phí Giá dịch vụ***~~ duy trì dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10 triệu đồng/ tháng và được trả hàng quý.

  Công thức tính ~~***phí giá dịch vụ***~~ duy trì dịch vụ đại lý chuyển nhượng vào mỗi kỳ định giá trong tháng được xác định như sau :

~~***Phí* Giá dịch vụ*~~ duy trì dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho kỳ định giá = 10 triệu/ số ngày thực tế của tháng x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá

- Các chi phí này sẽ được tổng hợp và trả hàng quý.
- Mức ~~***phí* giá dịch vụ*~~ và phương pháp thanh toán ~~***phí* giá dịch vụ*~~ được qui định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng

Các loại ~~***phí* giá dịch vụ*~~ trên đều chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có) theo quy định của pháp luật."

	Số phiếu biểu quyết	Số đơn vị quỹ biểu quyết	Tỷ lệ (%) số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách
"Đồng ý"	06	5,013,045.08	75.79%
"Không đồng ý"	00	00	00
"Không có ý kiến"	00	00	00
Ý kiến biểu quyết không hợp lệ	01	205,000.00	3.10%
Tổng cộng	07	5,218,045.08	78.89%

7.8. Bổ sung khoản 13 Điều 64. Chi phí hoạt động của quỹ: bổ sung cho phù hợp quy định pháp luật.

" Điều 64. Chi phí hoạt động của quỹ

...

13. Thuế, ***giá dịch vụ***, phí, lệ phí mà quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;"

	Số phiếu biểu quyết	Số đơn vị quỹ biểu quyết	Tỷ lệ (%) số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách
"Đồng ý"	06	5,013,045.08	75.79%
"Không đồng ý"	00	00	00
"Không có ý kiến"	00	00	00
Ý kiến biểu quyết không hợp lệ	01	205,000.00	3.10%
Tổng cộng	07	5,218,045.08	78.89%

7.9. Bổ sung Khoản 1 Điều 71 - Đăng ký điều lệ: cập nhật đăng ký điều lệ.

" Điều 71. Đăng ký điều lệ

...

Điều lệ Quỹ VFMVEI được bổ sung và sửa đổi lần thứ hai bao gồm 16 Chương, 72 Điều và 03 Phụ lục theo Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2018 của Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam (VFMVEI) thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ngày 19/4/2019 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19/4/2019".

	Số phiếu biểu quyết	Số đơn vị quỹ biểu quyết	Tỷ lệ (%) số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách
"Đồng ý"	06	5,013,045.08	75.79%
"Không đồng ý"	00	00	00
"Không có ý kiến"	00	00	00
Ý kiến biểu quyết không hợp lệ	01	205,000.00	3.10%
Tổng cộng	07	5,218,045.08	78.89%

VIII. Các vấn đề đã được thông qua:

Điều 1: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2018.

Điều 2: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán của Quỹ.

Điều 3: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018.

Điều 4: Thông qua Kế hoạch hoạt động của Quỹ năm 2019.

Điều 5: Thông qua việc ủy quyền Ban đại diện quỹ lựa chọn một trong ba công ty kiểm toán như đã đề xuất để thực hiện kiểm toán cho Quỹ năm 2019.

Điều 6: Thông qua Tổng ngân sách hoạt động trong năm 2019 của Ban đại diện quỹ.

Điều 7: Thông qua Điều chỉnh, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ VFMVEI, cụ thể như sau:

7.1. Điều chỉnh, bổ sung phần "Các định nghĩa".

7.2. Điều chỉnh khoản 2 và bổ sung khoản 4 - Điều 17. Giao dịch chứng chỉ Quỹ.

7.3. Bổ sung khoản 2 Điều 49. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ.

7.4. Điều chỉnh khoản 3 Điều 55. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ.

7.5. Điều chỉnh khoản 1 và khoản 2 Điều 56. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ.

7.6. Điều chỉnh Khoản 3- Điều 62. Các loại giá dịch vụ do nhà đầu tư trả.

7.7. Điều chỉnh khoản 1,2,3 và khoản 4 Điều 63. Các loại giá dịch vụ, phí do Quỹ trả.

7.8. Bổ sung khoản 13 Điều 64. Chi phí hoạt động của quỹ.

7.9. Bổ sung Khoản 1 Điều 71 - Đăng ký điều lệ: cập nhật đăng ký điều lệ.

Biên bản này được lập vào lúc 17h30 ngày 19/04/2019 và đã được Ban kiểm phiếu thông qua.

Thư ký Ban kiểm phiếu

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Ngọc Hân

Trưởng Ban kiểm phiếu

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám sát kiểm phiếu

(Ký và ghi rõ họ tên)

M.S.D.N:0103617147-C.T.T.N.H.H. NGÂN HÀNG TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM) Q.NAM TỪ LIÊM-T.P HÀ NỘI

Trần Đắc Sinh

Chủ tịch Ban đại diện quỹ

VŨ HƯƠNG GIANG

Phó phòng nghiệp vụ dịch vụ chứng khoán

(Ký và ghi rõ họ tên)

PHẦN DÀNH CHO CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

(Ký và ghi rõ họ tên)

S.Đ.K.: 45 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Trần Thanh Tân

Tổng Giám đốc Công ty CP Quản lý quỹ đầu tư Việt Nam

Nguyễn Thị Khánh Hoa

QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
(VFMVEI)	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
---o0o---	**---o0o---**
Số: 02.19/NQĐH-VFMVEI-2019	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2019*

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2018
QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU VIỆT NAM (VFMVEI)
THÔNG QUA BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN

- *Căn cứ Luật chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010;*
- *Căn cứ Thông tư số 212/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 05/12/2012 hướng dẫn về việc thành lập, tổ chức & hoạt động của công ty Quản lý Quỹ;*
- *Căn cứ Thông tư số 183/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16/12/2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở;*
- *Căn cứ Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20/01/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/03/2016;*
- *Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động hiện hành của Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam;*
- *Căn cứ vào kết quả biểu quyết của Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2018 Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam (VFMVEI) thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo Biên bản kiểm phiếu ngày 19/04/2019.*

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2018

Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2018 như sau:

Quỹ VEI chính thức được cấp giấy phép và bắt đầu giải ngân kể từ tháng 3/2018. Trong năm đầu tiên đi vào hoạt động (16/3/2018 tới 31/12/2018), tài sản ròng của quỹ suy giảm -22,8%, xấp xỉ mức giảm của thị trường chung (VN-Index) là -22.2%. Thời điểm quỹ đi vào hoạt động ngay sát đỉnh của thị trường với VN-Index ở mức 1159, và sau đó 3 tuần ngày 9/4 thị trường đạt đỉnh cao nhất kể từ khi thành lập ở mức 1204. Kể từ đó thị trường điều chỉnh mạnh và kết thúc năm 2018 rơi về mức 893. Biến động mạnh của thị trường chứng khoán 2018 đã gây khó khăn không chỉ cho quỹ VEI mà còn với thị trường các quỹ mở nói chung trong việc tìm kiếm lợi nhuận cho nhà đầu tư. Trong 3 tháng đầu đi vào hoạt động, quỹ VEI đạt mức tăng trưởng tốt hơn thị trường tới 3,7%. Tuy nhiên sau đó mức tăng trưởng này giảm dần . Một mặt là do các cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng dài hạn trong danh mục của quỹ bị ảnh hưởng tiêu cực từ biến động nhất thời của thị trường chung và mặt khác là do một số cổ phiếu vốn hóa lớn mà quỹ hạ thấp tỷ trọng đã tăng trưởng mạnh dẫu cho các yếu tố cơ bản của các cổ phiếu này là không rõ ràng. Trong năm, các ngành có tỷ trọng cao trong danh mục đầu tư của quỹ VEI bao gồm ngành Ngân hàng, Bất động sản, Hàng tiêu dùng , Bán lẻ và Vật liệu xây dựng.

Điều 2: Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán của Quỹ

Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán của Quỹ.

Điều 3: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018

Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

Quỹ VFMVEI tái đầu tư lợi nhuận và không phân phối lợi nhuận và năm 2018.

Điều 4: Kế hoạch hoạt động của Quỹ năm 2019

Thông qua Kế hoạch hoạt động của Quỹ năm 2019 như sau:

Chủ trương của quỹ VEI trong năm 2019 là tiếp tục tìm kiếm các cơ hội đầu tư vào các công ty có nền tảng cơ bản tốt, có tiềm năng tăng trưởng trong dài hạn và giá cổ phiếu có khả năng hồi phục mạnh mẽ sau khi bị điều chỉnh mạnh bởi thị trường. Đồng thời quỹ cũng sẽ chú ý tới các cơ hội đầu tư tiềm năng từ hoạt động IPO và thoái vốn Nhà nước.

Trong năm 2019, các ngành Hàng tiêu dùng, Bán lẻ sẽ tiếp tục được quỹ VEI duy trì đầu tư với tỷ trọng cao do sức mua của người tiêu dùng trong nước vẫn trong xu thế tăng liên tục. Trong khi đó các ngành có tính chu kỳ cao như Bất động sản, Vật liệu xây dựng có thể quỹ sẽ cân nhắc giảm tỷ trọng do những biến động về giá nguyên vật liệu và quá trình phê duyệt các vấn đề pháp lý của nhiều dự án bất động sản có thể kéo dài. Quỹ sẽ tiếp tục duy trì những khoản đầu tư chọn lọc vào ngành ngân hàng, đặc biệt chú trọng tới các ngân hàng có tài sản tốt, tiềm năng tăng trưởng bền vững trong dài hạn.

Điều 5: Lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ năm 2019

Đại hội nhà đầu tư thống nhất thông qua việc ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ lựa chọn một trong ba công ty kiểm toán như đã đề xuất để thực hiện kiểm toán cho Quỹ năm 2019.

Điều 6: Tổng ngân sách hoạt động trong năm 2019 của Ban đại diện quỹ

Thông qua Ngân sách hoạt động của Ban đại diện Quỹ dự kiến trong năm 2019, cụ thể như sau:

STT	Loại chi phí	Ngân sách 2019	Thực tế 2018	%
I	***Thù lao***	***351,000,000***	**291,629,033**	***20%***
II	***Chi phí đi lại và khách sạn***	***39,900,000***	**31,106,000**	***28%***
1	Chi phí vé máy bay	24,000,000	29,106,000	***-18%***
2	Chi phí khách sạn	15,000,000	2,000,000	***650%***
3	Chi phí đưa rước	900,000		-
III	***Chi phí phòng họp khác***	***14,000,000***	**2,000,000**	***600%***
	Tổng cộng	**404,900,000**	**324,735,033**	***25%***

Ghi chú:

- Ngân sách hoạt động Ban đại diện năm 2019 tăng 25% so với thực tế năm 2018 và được lập trên cơ sở sau:

  + Số lần họp BĐD được tổ chức bên ngoài là 1 lần, còn lại được tổ chức qua điện thoại hoặc bằng văn bản.

- Ngân sách chi phí thù lao của Ban Đại diện trên dự kiến trả đủ 13 tháng của năm 2019, dùng cho 4 thành viên và 1 thư ký, với mức thù lao thông qua từ Đại hội thành lập Quỹ VFMVEI như sau:

*** Chủ tịch BĐD**: 10 triệu đồng / tháng

*** Phó chủ tịch BĐD**: 7 triệu đồng / tháng

*** Thành viên BĐD**: 4 triệu đồng / tháng

*** Thư ký BĐD**: 2 triệu đồng / tháng

- Trong trường hợp số thành viên BĐD tăng/giảm thì ngân sách này sẽ được điều chỉnh tăng/giảm tương ứng dựa trên mức chi phí cấu thành ngân sách nêu trên.

Điều 7: Điều chỉnh, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ VFMVEI

Thông qua điều chỉnh, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ VFMVEI, cụ thể như sau:

7.1. Điều chỉnh, bổ sung phần "Các định nghĩa": ***điều chỉnh cho phù hợp quy định pháp luật.***

~~***"Số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết":***~~	~~***Là số đơn vị quỹ tham gia biểu quyết tại kỳ biểu quyết.***~~
~~***"Giá dịch vụ"***~~	~~***Sau đây có thể gọi là Phí.***~~
"Giá dịch vụ quản lý quỹ" ~~***hay gọi là "Phí quản lý quỹ"***~~	Là giá dịch vụ phải trả cho Công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ này.
"Giá dịch vụ phát hành lần đầu" ~~***hay gọi là "Phí phát hành lần đầu"***~~	Là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi mua một đơn vị chứng chỉ quỹ từ Quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng. Giá dịch vụ này được cộng vào mệnh giá, được thu khi phát hành và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên mệnh giá một đơn vị chứng chỉ Quỹ VFMVEI.
"Giá dịch vụ phát hành các lần tiếp theo" ~~***hay gọi là "Phí phát hành tại các lần tiếp theo"***~~	Là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi mua một đơn vị chứng chỉ quỹ từ Quỹ tại những kỳ giao dịch tiếp theo. Giá dịch vụ này được thu khi phát hành và được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch (số tiền đăng ký mua) chứng chỉ Quỹ VFMVEI.
"Giá dịch vụ mua lại" ~~***hay gọi là "Phí mua lại"***~~	Là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi bán một đơn vị chứng chỉ quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ này được trừ đi từ giá trị giao dịch chứng chỉ Quỹ và được khấu trừ ngay khi quỹ thanh toán cho nhà đầu tư, được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch được quy định tại Điều lệ này.
"Ngày định giá"	Là ngày mà Công ty quản lý quỹ VFM xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ VFMVEI. Ngày định giá là ngày thứ Tư ***thứ hai và thứ tư của*** ~~***tháng của tuần thứ hai và tuần thứ tư hàng tháng***~~. Ngày định giá là ngày làm việc. Trường hợp ngày

	định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá sẽ là ngày làm việc tiếp theo.
"Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ"	Là ngày mà Công ty quản lý quỹ VFM thực hiện các lệnh/yêu cầu mua lại chứng chỉ quỹ, phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ theo yêu cầu của nhà đầu tư được gửi bằng văn bản, thông qua đại lý phân phối, trước thời điểm nhận lệnh cuối cùng. Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ được thực hiện hai lần trong một tháng, vào ***ngày thứ Tư thứ hai và thứ tư của tháng*** ~~***Thứ tư của tuần thứ hai và tuần thứ tư của tháng.***~~

7.2. Điều chỉnh khoản 2 và bổ sung khoản 4 - Điều 17. Giao dịch chứng chỉ Quỹ: Điều chỉnh để làm rõ nghĩa hơn

" Điều 17. Giao dịch chứng chỉ Quỹ

1. ...

2. Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ VFMVEI là hai lần trong một tháng, vào ***ngày thứ Tư thứ hai và thứ tư của tháng*** ~~***Thứ tư của tuần thứ hai và tuần thứ tư của tháng.***~~

   Việc tăng tần suất giao dịch (nếu có) sẽ được công ty quản lý quỹ thông báo trên trang thông tin điện tử của VFM và của quỹ và được cập nhật tại Đại hội nhà đầu tư gần nhất. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không thấp hơn tần suất giao dịch tối thiểu theo quy định pháp luật."

3 . ...

4. Việc đầu tư chứng chỉ quỹ theo Chương trình Đầu tư định kỳ (VF-ISAVING) được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch của Quỹ."

7.3. Bổ sung khoản 2 Điều 49. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ: Bổ sung " "giá dịch vụ" cho phù hợp quy định pháp luật.

" Điều 49. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ

1. ...

2. Nhân viên phân phối chỉ chào bán chứng chỉ quỹ sau khi nhà đầu tư đã được cung cấp đầy đủ điều lệ quỹ, bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, hợp đồng dẫn chiếu trong bản cáo bạch, các báo cáo mới nhất về hoạt động của quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho nhà đầu tư hiểu được các nội dung tại điều lệ quỹ và bản cáo bạch đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của quỹ, chiến lược đầu tư của quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, ***giá dịch vụ***, phí, lệ phí và các chi phí khác; cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ."

7.4. Điều chỉnh khoản 3 Điều 55. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ: Điều chỉnh để làm rõ nghĩa hơn

" Điều 55. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

...

3. Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định vào ngày định giá là ngày ***ngày thứ Tư thứ hai và thứ tư của tháng ~~của tuần thứ hai và tuần thứ tư hàng tháng và cuối tháng~~***, có xác nhận của ngân hàng lưu ký, giám sát. Trong thời hạn tối đa ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày định giá, giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, đại lý phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán."

7.5. Điều chỉnh khoản 1 và khoản 2 Điều 56. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ: Điều chỉnh để làm rõ nghĩa hơn tại khoản 1 và Điều chỉnh "phí" thành "giá dịch vụ" cho phù hợp quy định pháp luật tại khoản 2.

" Điều 56. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

1. Ngày định giá:

   Tần suất giao dịch của Quỹ ***vào ngày thứ Tư thứ hai và thứ tư của tháng ~~là ngày thứ Tư của tuần thứ hai và tuần thứ tư hàng tháng~~***. Giá trị tài sản ròng của quỹ được xác định vào ngày định giá là ngày thứ Tư ***thứ hai và thứ tư của tháng ~~của tuần thứ hai và tuần thứ tư hàng tháng~~***. Ngày định giá và ngày giao dịch là ngày làm việc. Trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ, thì ngày định giá sẽ là ngày làm việc tiếp theo.

   Giá trị tài sản ròng tháng của quỹ được xác định vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo, và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ. Trường hợp công ty quản lý quỹ tăng tần suất giao dịch (nếu có) thì các kỳ xác định giá trị tài sản ròng của quỹ sẽ được tăng tương ứng.

2. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

   Giá trị tài sản ròng (NAV): là tổng giá trị các tài sản do Quỹ VFMVEI sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ có liên quan (như phải trả mua chứng khoán, phải trả ***~~phí~~ giá dịch vụ*** quản lý, ***~~phí~~ giá dịch vụ*** giám sát, ***~~phí~~ giá dịch vụ*** môi giới, ***~~phí~~ giá dịch vụ*** lưu ký, phí hành chính, ***~~phí~~ giá dịch vụ*** định giá,...) tại ngày trước ngày định giá. Tổng giá trị tài sản của quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường hoặc giá thị trường có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay Định giá và đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản)".

7.6. Điều chỉnh Khoản 3- Điều 62. Các loại giá dịch vụ do nhà đầu tư trả: Điều chỉnh phù hợp quy định của pháp luật.

" Điều 62. Các loại giá dịch vụ do nhà đầu tư trả

...

3. Giá dịch vụ chuyển đổi giữa các chứng chỉ quỹ mở do công ty quản lý quỹ quản lý

- Nhà đầu tư phải trả giá dịch vụ chuyển đổi chứng chỉ quỹ cho công ty quản lý quỹ khi nhà đầu tư đăng ký giao dịch chuyển đổi chứng chỉ quỹ giữa các chứng chỉ quỹ mở do công ty quản lý quỹ quản lý tại mỗi kỳ giao dịch.
- Nhà đầu tư không phải trả giá dịch vụ phát hành và giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ khi thực hiện chuyển đổi các loại chứng chỉ quỹ.

- ~~***Giá dịch vụ chuyển đổi từ VFMVEI sang các quỹ khác (bao gồm VFMVF1, VFMVF4, VFMVFB) bằng không.***~~
- ***Giá dịch vụ chuyển đổi không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch. Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác.***
  Việc thay đổi các mức giá dịch vụ *sẽ* được công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác và đảm bảo giá dịch vụ chuyển đổi không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch.
- Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là 90 ngày kể từ ngày Công ty quản lý Quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của công ty."

7.7. Điều chỉnh khoản 1,2,3 và khoản 4 Điều 63. Các loại giá dịch vụ, phí do Quỹ trả: Điều chỉnh "phí" thành "giá dịch vụ" cho phù hợp quy định pháp luật.

" Điều 63. Các loại giá dịch vụ, phí do Quỹ trả

1. Giá dịch vụ quản lý quỹ

- Giá dịch vụ quản lý là 1,2% NAV/năm. Giá dịch vụ này được trả cho công ty quản lý quỹ VFM để thực hiện các dịch vụ quản lý cho Quỹ VFMVEI. Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý sẽ được Công ty quản lý quỹ xác định trong từng giai đoạn nhưng phải đảm bảo tổng giá dịch vụ quản lý quỹ và các giá dịch vụ khác mà Quỹ chi trả cho công ty quản lý quỹ (nếu có) tuân thủ các quy định của pháp luật.
- Số ***~~phí~~ giá dịch vụ*** trả hàng tháng là tổng số ***~~phí~~ giá dịch vụ*** được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- Công thức tính ***~~phí~~ giá dịch vụ*** quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

  ~~Phí~~ Giá dịch vụ quản lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)
- Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì ***~~phí~~ giá dịch vụ*** quản lý được xác định như sau:

  ~~Phí~~ Giá dịch vụ quản lý trong tháng = [Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lẻ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + ***~~Phí~~ Giá dịch vụ*** quản lý của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lẻ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

2. Giá dịch vụ lưu ký và giám sát

- Giá dịch vụ giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng Giám sát và lưu ký để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số ***~~phí~~ giá dịch vụ*** được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ giám sát là 0,02% NAV/năm. Tối thiểu là 17 triệu đồng mỗi tháng (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có))

Giá dịch vụ lưu ký là 0,04% NAV/năm. Tối thiểu là 23 triệu đồng mỗi tháng. Mức giá dịch vụ này chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán là 160.000 đồng/giao dịch,

Mức giá dịch vụ trên không bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, phí sửa đổi/hủy bỏ giao dịch, phí đăng ký cổ phiếu từ chưa niêm yết sang niêm yết hay từ trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu, v.v....

Tổng giá dịch vụ giám sát, lưu ký tối đa đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật.

Số ~~***phí giá dịch vụ***~~ trả hàng tháng là tổng số ~~***phí giá dịch vụ***~~ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

- Công thức tính ~~***phí giá dịch vụ***~~ giám sát, lưu ký vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

  ~~***Phí Giá dịch vụ***~~ giám sát, lưu ký (chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

- Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì ~~***phí giá dịch vụ***~~ giám sát, lưu ký được xác định như sau:

  ~~***Phí Giá dịch vụ***~~ giám sát, lưu ký (chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán) trong tháng = [Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lẻ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + ~~***Phí Giá dịch vụ***~~ giám sát, lưu ký của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lẻ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

  Giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được qui định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ

  3. ~~Chi phí~~ Giá dịch vụ quản trị quỹ

  ~~***Phí Giá***~~ dịch vụ quản trị quỹ là mức ~~***phí giá dịch vụ***~~ do Quỹ VFMVEI trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ.

  ~~***Phí Giá***~~ dịch vụ quản trị quỹ là 0,06% NAV/năm và được chi trả hàng tháng. Tối thiểu là 20 triệu đồng mỗi tháng (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).

- Số ~~***phí giá dịch vụ***~~ trả hàng tháng là tổng số ~~***phí giá dịch vụ***~~ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- Công thức tính ~~***phí giá***~~ dịch vụ quản trị quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
- ~~***Phí Giá***~~ dịch vụ quản trị quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ % ~~***phí giá***~~ dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)
- Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì ~~***phí giá***~~ dịch vụ ***quản*** trị quỹ được xác định như sau:

- ~~***Phí Giá***~~ dịch vụ quản trị quỹ trong tháng = [Tỷ lệ % ~~***phí giá***~~ dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lẻ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + ~~***Phí Giá***~~ dịch vụ quản trị quỹ của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % ~~***Phí Giá***~~ dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lẻ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

  Mức ~~***phí giá dịch vụ***~~ và phương pháp thanh toán ~~***phí giá dịch vụ***~~ được qui định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ.

4. ~~Chi phí~~ Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

- ~~***Phí Giá***~~ dịch vụ đại lý chuyển nhượng là mức ~~***phí giá dịch vụ***~~ do Quỹ VFMVEI chi trả hàng tháng cho Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. ~~***Phí Giá***~~ dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm những dịch vụ được nêu tại khoản 2 Điều 42 của Điều lệ này.

  Gồm:

- ~~***Phí Giá dịch vụ***~~ duy trì dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10 triệu đồng/ tháng và được trả hàng quý.

  Công thức tính ~~***phí giá dịch vụ***~~ duy trì dịch vụ đại lý chuyển nhượng vào mỗi kỳ định giá trong tháng được xác định như sau :

  ~~***Phí Giá dịch vụ***~~ duy trì dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho kỳ định giá = 10 triệu/ số ngày thực tế của tháng x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá

- Các chi phí này sẽ được tổng hợp và trả hàng quý.
- Mức ~~***phí giá dịch vụ***~~ và phương pháp thanh toán ~~***phí giá dịch vụ***~~ được qui định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng

  Các loại ~~***phí giá dịch vụ***~~ trên đều chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có) theo quy định của pháp luật."

7.8. Bổ sung khoản 13 Điều 64. Chi phí hoạt động của quỹ: bổ sung cho phù hợp quy định pháp luật.

" Điều 64. Chi phí hoạt động của quỹ

...

13. Thuế, ***giá dịch vụ***, phí, lệ phí mà quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;"

7.9. Bổ sung Khoản 1 Điều 71 - Đăng ký điều lệ: cập nhật đăng ký điều lệ.

" Điều 71. Đăng ký điều lệ

...

Điều lệ Quỹ VFMVEI được bổ sung và sửa đổi lần thứ hai bao gồm 16 Chương, 72 Điều và 03 Phụ lục theo Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2018 của Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam (VFMVEI) thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ngày 19/4/2019 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19/4/2019".

Điều 8: Hiệu lực Nghị quyết Đại hội

Nghị quyết Đại hội có hiệu lực kể từ ngày ký.

TM. Đại hội nhà đầu tư	**Đại diện Công ty quản lý quỹ**
Chủ tịch Ban đại diện quỹ	**Tổng Giám đốc**
TRẦN ĐẮC SINH	**TRẦN THANH TÂN**